TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2018/KDTM-ST
Ngày 13-11-2018
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Thanh Hoàng;
Bà Nguyễn Thị Minh Chuyên.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quới – Thư ký tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa: ông Phạm Hoàng Phong.

Trong ngày 13 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2018/TLST-KDTM ngày 15 tháng 8 năm 2018 "Tranh chấp hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty cổ phần vật liệu xây dựng V. Trụ sở chính: thôn X, xã V, huyện T, tỉnh Q. *Đại diện theo pháp luật*: Ông V.M – chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Duy Đ – chức vụ: nhân viên, theo văn bản ủy quyền ngày 10 tháng 7 năm 2018, có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Lương Thị Th, sinh năm 1951 – Chủ cửa hàng vật liệu xây dựng D. Địa chỉ: số 191/5, khóm T, thị trấn N, huyện T, tỉnh A, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 7 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Duy Đ trình bày: Vào ngày 01 tháng 4 năm 2015 bà Lương Thị Th, là chủ cửa hàng vật liệu xây dựng D (sau đây gọi tắt là cửa hàng vật

liệu) tại khóm T, thị trấn N, huyện T có ký hợp đồng số 166/HĐBH/2015/RTL ngày 01 tháng 4 năm 2015 và hợp đồng số 171/HĐMB/2016/RTL ngày 25 tháng 12 năm 2015 với Công ty trách nhiệm hữu hạn vật liệu xây dựng V, nay đổi tên thành Công ty cổ phần vật liệu xây dựng V (sau đây gọi tắt là Công ty), theo hợp đồng công ty cung cấp xi măng STARMAX PCB40, trọng lượng 50kg cho cửa hàng vật liệu và phải thanh toán đơn hàng cho công ty trong thời gian 14 ngày kể từ khi nhận hàng.

Sau khi ký hợp đồng hai bên nhiều lần giao dịch mua và thanh toán tiền hàng, ngày 30 tháng 5 năm 2015 là ngày cuối cùng bà Th mua hàng của công ty, còn dư nợ 31.059.091 đồng. Đến ngày 10 tháng 7 năm 2016 thì công ty và bà Th đối chiếu công nợ theo biên bản đối chiếu công nợ và sản lượng thì bà Th còn nợ công ty số tiền là 24.200.000 đồng.

Nay Công ty yêu cầu bà Lương Thị Th - chủ cửa hàng vật liệu xây dựng D trả số tiền nợ là 24.200.000 đồng, tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày yêu cầu bà Th trả ngày 24.200.000 đồng và tiền lãi quá hạn từ ngày 15 tháng 6 năm 2015 đến 15 tháng 4 năm 2018, lãi suất 6,5%/năm (0,5417%/tháng) bằng 4.457.107 đồng và tiền phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán 8% giá trị hợp đồng là 1.936.000 đồng, tổng cộng 30.593.107 đồng.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Lương Thị Th có ý kiến trình bày sau: Bà Th là chủ cửa hàng vật liệu xây dựng D, bà thừa nhận ngày 01 tháng 4 năm 2015 có ký kết hợp đồng số 166/HĐBH/2015/RTL và 171/HĐMB/2016/RTL ngày 25 tháng 12 năm 2015 mua bán xi măng với Công ty trách nhiệm hữu hạn vật liệu xây dựng V , nội dung thỏa thuận: công ty cung cấp loại xi măng hiệu STARMAX PCB40, trọng lượng 50kg, sau khi nhận hàng trong thời hạn 14 ngày, bà phải thanh toán đủ tiền hàng.

Bà xác định khoảng tiền này dư nợ từ ngày 30 tháng 5 năm 2015, các biên bản đối chiếu công nợ & sản lượng từ ngày 01 tháng 6 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016; Sổ chi tiết phải thu của khách hàng năm 2016 không ghi ngày tháng, có xác định số dư cuối kỳ đến ngày 23 tháng 6 năm 2016 và biên bản đối chiếu công nợ và sản lượng ngày 10 tháng 7 năm 2016 của bà còn nợ công ty là 24.200.000 đồng, đều do bà ký tên.

Tại phiên tòa hôm nay, bà thừa nhận còn nợ công ty 24.200.000 đồng, xin không tính lãi và trả dần 500.000 đồng/tháng.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ

án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Việc thỏa thuận mua xi măng của bà Th với công ty, còn nợ 24.200.000 đồng là có thật, phù hợp với chứng cứ, lời khai thể hiện trong hồ sơ vụ án. Nguyên đơn yêu cầu trả nợ 24.200.000 đồng, đồng thời chỉ tính lãi suất 0,5417%/tháng từ ngày 15 tháng 6 năm 2016 đến ngày 15 tháng 6 năm 2018, đây là sự tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật, có cơ sở chấp nhận yêu cầu này. Tuy nhiên, khoảng tiền yêu cầu phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán 8% giá trị hợp đồng là không có cơ sở xem xét, do yêu cầu này chưa được xác lập trong hợp đồng số 166/HĐBH/2015/RTL ngày 01 tháng 4 năm 2015 và hợp đồng số 171/HĐMB/2016/RTL ngày 25 tháng 12 năm 2015 giữa Công ty với bà Th.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu và bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày của mình;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ Điều khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, Công ty cổ phần vật liệu xây dựng V và bà Lương Thị Th, chủ cửa hàng vật liệu xây dựng D, đều có đăng ký kinh doanh và hợp đồng giữa hai bên đều nhằm mục đích lợi nhuận theo khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và khoản 8 điều 3 Luật thương mại năm 2005. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng mua bán.

[2] Về nội dung:

Xét hợp đồng số 166/HĐBH/2015/RTL ngày 01 tháng 4 năm 2015 và số 171/HĐMB/2016/RTL ngày 25 tháng 12 năm 2015 được ký kết giữa Công ty cổ phần vật liệu xây dựng V với bà Th, chủ cửa hàng vật liệu xây dựng D để mua bán xi măng hiệu STARMAX PCB40, đóng bao 50 Kg. Hai bên thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng về sản phẩm, tiêu chuẩn, quy cách, giá bán, số lượng và thời gian, giao nhận. Ngoài ra hai bên còn thỏa thuận về

phương thức thanh toán cụ thể: Tại khoản 5.2 Điều 5 của hợp đồng "Thời hạn thanh toán mỗi đơn hàng tối đa là 14 ngày kể từ ngày nhận hàng". Việc ký kết hợp đồng này trên cơ sở tự nguyện, tự thỏa thuận, được lập thành văn bản, được nguyên đơn và bị đơn thừa nhận. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật thương mại năm 2005, thì giao dịch này tuân thủ về mặt hình thức và nội dung phù hợp quy định, nên sự thỏa thuận này là hợp pháp.

Từ bản đối chiếu sổ chi tiết phải thu của khách hàng năm 2016 không ghi ngày tháng, có xác định số dư cuối kỳ đến ngày 23 tháng 6 năm 2016; Biên bản đối chiếu công nợ và sản lượng ngày 10 tháng 7 năm 2016 do nguyên đơn cung cấp, được bị đơn thừa nhận, có cơ sở xác định bà Lương Thị Th còn nợ tiền mua bán xi măng với công ty là 24.200.000 đồng (dư nợ từ ngày 30 tháng 6 năm 2015).

Đối với yêu cầu về tiền phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán 8% là 1.936.000 đồng, tại Điều 5 của hợp đồng số 166/HĐBH/2015/RTL ngày 01 tháng 4 năm 2015 và số 171/HĐMB/2016/RTL ngày 25 tháng 12 năm 2015, *"khoản 5.4 có ghi ....phạt lãi quá hạn 0,1/ngày trên số dư nợ quá hạn"*, tuy nhiên, hợp đồng không có điều khoản thỏa thuận phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán 8% giá trị hợp đồng. Do đó, việc yêu cầu phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán 1.936.000 đồng là không có cơ sở.

Ngoài ra, tại khoản 5.4 Điều 5 có ghi "sau 14 ngày kể từ ngày nhận hàng .....tính phạt lãi quá hạn là 0,1%/ngày...", mức lãi suất tương đương 3%/tháng. Do đó, theo quy định điều 306 Luật thương mại 2005, thì nguyên đơn có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu tính lãi quá hạn bằng 0,5417%/tháng từ ngày 15 tháng 6 năm 2015 đến ngày 15 tháng 4 năm 2018 là 4.457.107 đồng, yêu cầu này là tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật, nên có cơ sở chấp nhận, buộc bà Th có trách nhiệm trả cho công ty số tiền 24.200.000 đồng và tiền lãi 4.457.107 đồng, tổng cộng 28.657.107 đồng.

Do đó, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo giá ngạch đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Nguyên đơn phải chịu án phí không giá ngạch đối với yêu cầu không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Các Điều 50, 306 Luật Thương mại năm 2005;

- khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Lương Thị Th, chủ cửa hàng vật liệu xây dựng D thanh toán cho Công ty cổ phần vật liệu xây dựng V *(Đại diện theo pháp luật: Ông V.M – chức vụ: Tổng giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Duy Đ – chức vụ: nhân viên, theo văn bản ủy quyền ngày 10 tháng 7 năm 2018)*, số tiền hàng còn nợ là 24.200.000 đồng và số tiền lãi 4.457.107 đồng, tổng cộng 28.657.107 đồng *(hai mươi tám triệu, sáu trăm năm mươi bảy ngàn, một lẻ bảy đồng)*.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán 8% giá trị hợp đồng bằng 1.936.000 đồng.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bà Lương Thị Th, chủ của hàng vật liệu xây dựng D phải chịu 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)* tiền án phí.

Công ty cổ phần vật liệu xây dựng V phải chịu 3.000.000 đồng tiền án phí, được khấu tiền tạm ứng án phí 1.500.000 đồng theo biên lai thu số: TU/2016/0009355 ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên, Công ty cổ phần vật liệu xây dựng V phải nộp thêm 1.500.000 đồng *(một triệu năm trăm ngàn đồng)*.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND h.Tịnh Biên;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- THA DS h. Tịnh Biên;
- Lưu HS & VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Ngọc Mỹ